

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh
trình Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2019 thông qua**

(Đính kèm Quy chế Quản trị công ty Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi các điều khoản Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 10/04/2019;
- Căn cứ thẩm quyền của HĐQT.

Để đảm bảo Công ty được hoạt động một cách minh bạch và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Quy chế này được xây dựng căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính, của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Nghị Định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Quy chế này đã được thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 10/04/2019 để trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh gồm chín (09) Chương, bốn mươi một (41) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Quy chế làm việc bao gồm các nội dung chính sau:

Chương I: Quy định chung

Từ Điều 1 đến Điều 2:

Điều 1: Ý nghĩa của Quy định và phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

Chương II quy định về: Cổ đông và Đại hội đồng Cổ đông của Công ty

Trong chương này chia ra làm hai phần.

Phần 1: Cổ đông: Từ Điều 3 đến Điều số 5

Điều 3 quy định: Quyền của Cổ đông

Điều 4 quy định: Trách nhiệm của Cổ đông lớn

Điều 5 quy định: Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Phần 2 Quy định về: Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông
Từ Điều 6 đến Điều số 9

Điều 6 quy định chi tiết về: Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường

Điều 7 quy định về: Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Báo cáo phải được lập trước ít nhất 10 (mười) ngày làm việc;

Điều 8 quy định về: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Báo cáo phải được lập trước ít nhất 10 (mười) ngày làm việc;

Điều 9 quy định về: Thông báo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ra công chúng

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin khác theo quy định;

Chương III quy định về: Thành viên HĐQT và HĐQT của Công ty

Từ Điều 10 đến Điều số 17:

Điều 10 quy định về: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty;

Điều 11 quy định về: Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 12 quy định về: Thành phần Hội đồng Quản trị

Điều 13 quy định về: Quyền của thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 14 quy định về: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 15 quy định về: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

Điều 16 quy định về: Hợp Hội đồng Quản trị

Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Điều 17 quy định về: Thù lao của Hội đồng quản trị

Chương IV quy định về: Thành viên Ban Kiểm Soát và Ban Kiểm Soát của Công ty

Từ Điều 18 đến Điều số 23:

Điều 18 quy định về: Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

Điều 19 quy định về: Tư cách thành viên Ban kiểm soát

Điều 20 quy định về: Thành phần Ban kiểm soát

Điều 21 quy định về: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát

Điều 22 quy định về: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 23 quy định về: Thù lao của Ban Kiểm soát

Chương V quy định về: Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Từ Điều 24 đến Điều số 27:

Điều 24 quy định về: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 25 quy định: Giao dịch với người có liên quan

Điều 26 quy định về: Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

Điều 27 quy định: Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

Chương VI quy định về: Báo cáo và công bố thông tin của Công ty.

Từ Điều 28 đến Điều số 33:

Điều 28 quy định về: Nghĩa vụ công bố thông tin

Điều 29 quy định về: Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

Điều 30 quy định về: Công bố thông tin về Quản trị Công ty

Điều 31 quy định về: Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc (Tổng giám đốc)

Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 32 quy định về: Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 33 quy định về: Tổ chức công bố thông tin

Chương VII quy định về: Các chế định khác liên quan đến Công ty đại chúng quy mô lớn.

Từ Điều 34 đến Điều số 38:

Điều 34 quy định về: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 35 quy định về: Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị

Điều 36 quy định về: Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Thư ký Công ty của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 37 quy định về: Người phụ trách quản trị công ty

Điều 38 quy định về: Tham dự Đại hội đồng Cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương VIII quy định về: Giám sát và xử lý vi phạm.

Từ Điều 39 đến Điều số 40:

Điều 39 quy định về: Giám sát về quản trị công ty

Điều 40 quy định về: Xử lý vi phạm

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IX quy định về: Tổ chức thực hiện.

Điều 41:

Điều 41. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trên đây là toàn bộ nội dung tóm tắt Quy chế quản trị Công ty đã được các thành viên HĐQT xem xét thông qua để trình Đại hội đồng cổ đông. Quy chế chi tiết được gửi kèm theo tài liệu Đại hội cổ đông bất thường năm 2019 tới Quý Cổ đông. Quy chế này cũng được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty kể từ ngày 16/04/2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, HS ĐHCĐ 2019.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hồ Huy

Tp.HCM, ngày 16 tháng 04 năm 2019

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH**

(Ban hành theo Tờ trình số 04/ĐHCD/TTr-HĐQT ngày 26/4/2019)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi các điều khoản Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 10/04/2019;
- Căn cứ thẩm quyền của HĐQT.

Quy chế **Quản trị Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh** được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2019 tổ chức vào ngày 26/04/2019 với các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

- Quản trị Công ty là những cơ chế, quy định thông qua đó Công ty được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất, tạo lập khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và những người có liên quan khác qua đó đưa ra các trình tự thủ tục ban hành các quyết định nhằm tránh những sự lạm quyền và rủi ro cho Công ty.
- Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Cán bộ quản lý của Công ty.
- Quy chế này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty cho đến khi Quy chế này được sửa đổi, bổ sung bởi Đại hội đồng cổ đông của kỳ họp gần nhất thông qua.

ĐIỀU 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

- 2.1 “**Công ty**”: Là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315161593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 07 năm 2018.
- 2.2 “**Nguyên tắc quản trị Công ty**”: Là hệ thống các quy tắc để bảo đảm cho Công ty được điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông;
 - Đổi xử công bằng giữa các Cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện việc lãnh đạo và kiểm soát Công ty một cách có hiệu quả.
- 2.3 “**Người có liên quan**”: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán, bao gồm:
- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, Công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- 2.4 “**Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành**” thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc Cổ đông lớn của Công ty.
- 2.5 “**Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập**” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- Là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là Cổ đông lớn hoặc người đại diện của Cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Cổ đông lớn của Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong 02 (hai) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong 02 (hai) năm gần nhất.

Chương II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PHẦN 1 - CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 3. Quyền của Cổ đông

- 3.1 Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật và điều 11 Điều lệ Công ty, đặc biệt là:
- a. Quyền tự do chuyển nhượng Cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ Cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - b. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
 - c. Trường hợp Công ty có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho Cổ đông và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - d. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - e. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - f. Quyền được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần trong Công ty.
- 3.2 Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ đông theo quy định của pháp luật, Cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

ĐIỀU 4. Trách nhiệm của Cổ đông lớn

- 4.1 Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác.
- 4.2 Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. Điều lệ Công ty

- 5.1 Điều lệ Công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 5.2 Công ty tham chiếu Điều lệ mẫu được đính kèm tại Phụ lục của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng để xây dựng Điều lệ.

**PHẦN II – TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

ĐIỀU 6. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường

- 6.1 Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty các quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:
- a. Thông báo về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông;

- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông;
 - d. Cách thức bỏ phiếu;
 - e. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu Cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
 - f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - g. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - h. Lập biên bản Đại hội đồng Cổ đông;
 - i. Thông báo quyết định Đại hội đồng Cổ đông ra công chúng;
 - j. Các vấn đề khác.
- 6.2 Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.
- Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách.
 - Công ty không được hạn chế Cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông, phải tạo điều kiện cho Cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng Cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi Cổ đông có yêu cầu.
 - Công ty phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các Cổ đông theo quy định.
- 6.3 Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 6.4 Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn Cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến.
- 6.5 Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Việc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
- 6.6 Công ty quy định trong Điều lệ Công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian họp lý cho các Cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông.

ĐIỀU 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải được lập trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông ít nhất 10 (mười) ngày và tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- b. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các Quyết định của Hội đồng Quản trị;
- d. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- e. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- f. Các kế hoạch trong tương lai.

ĐIỀU 8. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải được lập trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông ít nhất 10 (mười) ngày và tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ Quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Cổ đông.

ĐIỀU 9. Thông báo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ra công chúng

- 9.1 Công ty công bố Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ trên ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty hoặc trên phương tiện công bố thông tin Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh/UBCK nhà nước.
- 9.2 Việc công bố thông tin được gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán bằng thư điện tử và gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện đồng thời phải công bố thông tin trên trang website của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.
 - Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người công bố thông tin được ủy quyền thực hiện.
 - Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người công bố thông tin được ủy quyền công bố.
 - Thông tin đã công bố phải được bảo quản, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật về lưu giữ tài liệu của Công ty.

Chương III**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****ĐIỀU 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị**

- 10.1 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (*trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên*) được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
- 10.2 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh Quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
- 10.3 Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

- 10.4 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách Cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị.
- 10.5 Việc đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị mà các Cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, quy chế bầu cử tại Đại hội cổ đông.
- 10.6 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.
Cơ chế Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng tại Đại hội và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 10.7 Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức dồn phiếu.

ĐIỀU 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

- 11.1 Thành viên Hội đồng Quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty không cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị.
- 11.2 Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty.
- 11.3 Hạn chế thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh Quản lý trong bộ máy điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
- 11.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 11.5 Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị: Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan.

ĐIỀU 12. Thành phần Hội đồng Quản trị

- 12.1 Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người.
- 12.2 Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 12.3 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập hoặc một tỉ lệ khác do pháp luật quy định.
- 12.4 Thành viên Hội đồng Quản trị của 01 (một) Công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 (năm) Công ty đại chúng khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng Quản trị của các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty bao gồm Công ty Mẹ - Công ty Con.
- 12.5 Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
Việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.

ĐIỀU 13. Quyền của thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung

cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị Công ty thành viên trong toàn hệ thống.

ĐIỀU 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

- 14.1 Phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- 14.2 Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của Cổ đông và của Công ty.
- 14.3 Có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- 14.4 Có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
- 14.5 Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch Cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
- 14.6 Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

- 15.1 Phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- 15.2 Chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về hoạt động của Công ty.
- 15.3 Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- 15.4 Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - 15.4.1 *Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:*
 - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
 - 15.4.2 *Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị:*
 - Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp);
 - Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - Cách thức biểu quyết;
 - Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị;
 - Thông báo Nghị quyết Hội đồng Quản trị.
- 15.5 Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:
 - 15.5.1 *Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:*
 - Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;

- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

15.5.2 *Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành:*

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị;
- Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

15.6 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

15.7 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

ĐIỀU 16. Hợp Hội đồng Quản trị

16.1 Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

16.2 Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng.

Chủ tọa, Thư ký phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

16.3 Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

ĐIỀU 17. Thù lao của Hội đồng quản trị

17.1 Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

17.2 Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các Công ty con trong hệ thống thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

17.3 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 18. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

- Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại các Khoản của Quy chế này.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty.
- Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

ĐIỀU 19. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

- 19.1 Thành viên Ban Kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà Pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.
- 19.2 Thành viên Ban Kiểm soát có thể không phải là Cổ đông của Công ty.
- 19.3 Thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

ĐIỀU 20. Thành phần Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là 05 (năm) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất 01 (một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
- Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

ĐIỀU 21. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát

- 21.1 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.
- 21.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban Kiểm soát.
- 21.3 Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban Kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- 22.1 Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình.
- 22.2 Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và Cổ đông.
- 22.3 Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát.
- 22.4 Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp.
- 22.5 Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
- 22.6 Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ

(nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

- 22.7 Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 22.8 Sau thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
- 22.9 Ban Kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
- 22.10 Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

ĐIỀU 23. Thù lao của Ban Kiểm soát

- Hàng năm các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.
- Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban Kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các Cổ đông.

Chương V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

ĐIỀU 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

- 24.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- 24.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 24.3 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, các Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của Pháp luật. Công ty thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 24.4 Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
- 24.5 Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định.
- 24.6 Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

- 24.7 Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 25. Giao dịch với người có liên quan

- 25.1 Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
- 25.2 Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho Cổ đông khi có yêu cầu.
- 25.3 Công ty ngay lập tức phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
- 25.4 Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.
- 25.5 Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

ĐIỀU 26. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

- 26.1 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân theo quy định của pháp luật.
- 26.2 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.
- 26.3 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty; Trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 26.4 Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:
- a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 - b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

- 26.5 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 27. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

- 27.1 Công ty luôn tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- 27.2 Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan thông qua việc:
- Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.
- 27.3 Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 28. Nghĩa vụ công bố thông tin

- 28.1 Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 28.2 Ngoài ra, Công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.
- 28.3 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng.
- 28.4 Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư.

ĐIỀU 29. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

- 29.1 Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
- 29.2 Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình

ĐIỀU 30. Công bố thông tin về Quản trị Công ty

- 30.1 Công ty phải công bố thông tin về tình hình Quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng Cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 30.2 Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và công bố thông tin về tình hình Quản trị Công ty theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 31. Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc (Tổng giám đốc)

- Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

- Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Quy chế này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:
 - a. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian 03 (ba) năm trước.
 - b. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành hoặc Cổ đông lớn.
 - c. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

ĐIỀU 33. Tổ chức công bố thông tin

- 33.1 Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- 33.2 Công ty có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ

Chương VII
CÁC CHẾ ĐỊNH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN

ĐIỀU 34. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty được quy định tại Điều 2 Quy chế này và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;
 - e. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
 - g. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 35. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị

- 35.1 Khi cần Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- 35.2 Các tiểu ban phải có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị làm trưởng tiểu ban.
- 35.3 Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

- 35.4 Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng Quản trị cử thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách riêng về từng vấn đề nêu tại điểm 1 của Điều này.

ĐIỀU 36. Đào tạo về quản trị Công ty

- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Thư ký Công ty của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

ĐIỀU 37. Người phụ trách quản trị công ty

- 37.1 Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
- 37.2 Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- 37.3 Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 38. Tham dự Đại hội đồng Cổ đông của kiểm toán viên độc lập

- Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương VIII

GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

ĐIỀU 39. Giám sát về quản trị công ty

- Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp luật.
- Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

ĐIỀU 40. Xử lý vi phạm

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IX
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 41. Tổ chức thực hiện

- 41.1 Quy chế này gồm chín Chương và 41 (bốn mươi một) Điều và có hiệu lực kể từ ngày **26/04/2019** ngay khi Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
- 41.2 Các Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các chức danh quản lý khác, các tổ chức, cá nhân có liên quan Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, HS ĐHĐCĐ 2019.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hồ Huy

